TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 328/2025/QĐST-DS	*Lâm Đồng, ngày 03 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25/9/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 231/2025/TLST-DS ngày 02/4/2025, về việc *"Tranh chấp di sản thừa kế"*.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 25/9/2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Xuân T - sinh năm 1961;

Địa chỉ: A T, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Võ Xuân S - sinh năm 1970;

Địa chỉ: A Đ, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Xuân P, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: A Đ, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông Võ Xuân T1, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: A B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Võ Thị Thanh T2, sinh năm: 1968.

Đã bỏ nhà đi từ năm 2018, gia đình có yêu cầu và được Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết ban hành Quyết định về việc tuyên bố một người mất tích số 12/2024/QĐST-DS, ngày 29/11/2024.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Cha là ông Võ K kết hôn với mẹ là bà Cao Thị N và cha mẹ sinh được 5 người con là: Ông Võ Xuân T, ông Võ Xuân T1, ông Võ Xuân S, bà Võ Thị Xuân P, bà Võ Thị Xuân T3.

- Năm 1999 ông Võ K chết, năm 2018 bà Cao Thị N chết, cha mẹ có để lại khối di sản bao gồm:

1. Thửa đất diện tích 320 m^2, tờ bản đồ số Tc, số thửa 133, số 130 đường Đ, xã P, thành phố P theo GCNQSDĐ do UBND thành phố P cấp ngày 07/02/2005.

2. Thửa đất diện tích 986 m^2, tờ bản đồ số 02, số thửa 182, tại thôn X, xã P, thành phố P theo GCNQSDĐ do UBND thành phố P cấp ngày 07/02/2005.

3. Thửa đất diện tích 2446 m^2, tờ bản đồ số 02, số thửa 200, tại thôn X, xã P, thành phố P theo GCNQSDĐ do UBND thành phố P cấp ngày 07/7/2004.

Nay các đồng thừa kế của ông Võ K và bà Cao Thị N thống nhất chia di sản thừa kế theo hiện vật và cùng thống nhất giá trị tài sản để chia di sản theo giá mà ông T đưa ra, các đồng thừa kế không tranh chấp về giá, cụ thể:

1. Thửa đất diện tích 320 m^2, số thửa 133, tờ bản đố số Tc, số A đường Đ, xã P, thành phố P theo GCNQSDĐ do UBND thành phố P cấp ngày 07/7/2005 giao cho 5 người gồm: Võ Xuân T, Võ Thị Xuân P, Võ Xuân T1, Võ Xuân S, Võ Thị Xuân T3 đồng sở hữu và thống nhất cử ông Võ Xuân T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị của tài sản này là 150.000.000 đồng.

2. Chia cho ông Võ Xuân S được hưởng di sản là thửa đất diện tích 986m^2, tờ bản đồ số 2, số thửa 182, theo GCNQSDĐ do UBND thành phố P cấp ngày 07/7/2005, giá trị của tài sản này là 50.000.000 đồng.

3. Thửa đất diện tích 2446 m^2, tờ bản đồ số 02, số thửa 200, theo giấy GCNQSDĐ do UBND thành phố P cấp ngày 07/7/2004, giá trị của tài sản này là 100.000.000 đồng được phân chia cụ thể như sau:

3.1 Chia cho ông Võ Xuân T1 và bà Võ Thị Xuân T3 đồng sở hữu 1000m^2 (Ông T1 500m^2, bà T3 500m^2), giao cho ông Võ Xuân T1 đứng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nào bà Võ Thị Xuân T3 có quyết định của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng thông báo bà T3 trở về lại thì ông Võ Xuân T1 có nghĩa vụ giao cho lại phần tài sản là 50% cụ thể là 500m^2 cho bà T3, giá trị của tài sản này là 40.000.000 đồng (có bản đo vẽ kèm theo).

3.2 Còn lại diện tích 1446 m^2 giao cho ông Võ Xuân T và bà Võ Thị Xuân P đồng sở hữu 1000m^2 (chia đều cho ông Võ Xuân T 500 m^2, bà Võ Xuân P 500 m^2), phần còn lại 446 m^2 là phần hương hỏa của nhà tự giao cho bà Võ Thị Xuân P quản lý và giao cho bà Võ Thị Xuân P đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giá trị của tài sản này là 60.000.000 đồng (có bản đo vẽ kèm theo).

3.Về án phí*:* Ông Võ Xuân T, bà Võ Thị Xuân P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, vì ông Võ Xuân T, bà Võ Thị Xuân P là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí.

Ông Võ Xuân T1 phải chịu 1.750.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Xuân S phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Xuân T đã nộp đủ các chi phí tố tụng khác.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông Võ Xuân T đã nộp đủ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7A, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND Tp PT;*
- *CCTHADS Tp PT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Thị Yến Linh